

Số: **489** /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày **24** tháng **01** năm **2019**

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 34/2013/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND Thành phố quy định về tổ chức, hoạt động của hội và nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 876/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2008 của UBND Thành phố về việc cho phép thành lập Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội tại Văn bản số 22/TT/HNEW ngày 21/11/2018 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 84 /TTr-SNV ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội, đã được Đại hội khóa III, nhiệm kỳ 2018-2023 của Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2018 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 4832/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các sở: Nội vụ, Công Thương; các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT TT UBND TP: N.V.Sửu;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH, KG-VX;
- Lưu: VT.

1652 (10)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 489 /QĐ-UBND
ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: **Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội.**
2. Tên giao dịch quốc tế: **HANOI ASSOCIATION FOR WOMEN ENTREPRENEURS.**
3. Tên viết tắt: **HNEW.**
4. Biểu tượng: Hiệp hội có biểu tượng được đăng ký bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hiệp hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp của các nữ chủ doanh nghiệp, nữ lãnh đạo doanh nghiệp (gọi chung là Nữ doanh nhân) là người Việt Nam, thuộc mọi thành phần kinh tế hiện đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Mục đích tôn chỉ: tập hợp, đoàn kết các Nữ doanh nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội, cùng chia sẻ, liên kết phấn đấu vì sự phát triển của hội viên, góp phần nâng cao năng lực của từng doanh nghiệp do nữ lãnh đạo, tăng cường, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau, động viên hội viên cùng nỗ lực phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực quản lý; khẳng định vai trò của Nữ doanh nhân trong cộng đồng doanh nhân và trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội, phấn đấu vì sự phát triển và bình đẳng của phụ nữ, góp phần xây dựng Thủ đô Hà Nội dân chủ, văn minh.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hiệp hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng (tài khoản tiền Việt và ngoại tệ) tại ngân hàng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hiệp hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở của Hiệp hội tại: phòng 104, tòa nhà Cung Trí thức Thành phố, số 1, phố Tôn Thất Thuyết, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hiệp hội hoạt động trong phạm vi thành phố Hà Nội.
2. Hiệp hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt, chịu sự quản lý Nhà nước của Sở Công Thương, Sở Nội vụ và các sở, ban, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Hiệp hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Chương II QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hiệp hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hiệp hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội và theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hiệp hội và lĩnh vực Hiệp hội hoạt động. Được tổ chức các hoạt động tư vấn, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hiệp hội hoạt động trong những lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hiệp hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hiệp hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định với Sở Nội vụ, Sở Công Thương, các sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

8. Được gây quỹ Hiệp hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

10. Được xuất bản ấn phẩm có liên quan đến hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hiệp hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hiệp hội đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt. Không lợi dụng hoạt động của Hiệp hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hiệp hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hiệp hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hiệp hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước nói chung và thành phố Hà Nội nói riêng.

3. Phổ biến, tập huấn hội viên về Điều lệ, quy chế, quy định của Hiệp hội, các văn bản liên quan đến hoạt động của Hiệp hội. Tổ chức sự kiện, chương trình, hội thảo, diễn đàn nhằm gắn kết các hội viên thông qua các hoạt động, sinh hoạt của của Hiệp hội mang đặc trưng giới, chia sẻ kinh nghiệm chăm lo gia đình, cân bằng cuộc sống và công việc; kết nối và hưởng ứng các hoạt động tôn vinh và phát triển vai trò Nữ doanh nhân của Hiệp hội với Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hà Nội và Trung ương cũng như với các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể khác theo quy định của pháp luật.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

5. Kết nối hội viên theo lĩnh vực ngành nghề nhằm hỗ trợ hội viên chia sẻ kinh nghiệm, tìm kiếm các cơ hội kinh doanh, tạo cơ hội liên kết - liên doanh, sử dụng dịch vụ, sản phẩm của nhau, hoặc trợ giúp hội viên quảng bá, cung cấp thông tin về dịch vụ, sản phẩm ra thị trường.

6. Kết nối với các tổ chức trong nước để trợ giúp hội viên thực hiện xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu, xúc tiến đầu tư, nghiên cứu thị trường, trưng bày sản phẩm, tham gia hội chợ trong và ngoài nước v.v...

7. Liên kết với các hiệp hội, tổ chức để thực hiện trao đổi và cung cấp thông tin về các chế độ, chính sách của Nhà nước, của địa phương, các vấn đề về thị trường kinh doanh, dịch vụ liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các hội viên.

8. Thực hiện liên kết, hợp tác với các tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật để tổ chức các khóa đào tạo cho hội viên và doanh nghiệp của hội viên nhằm trợ giúp các hội viên, doanh nghiệp của hội viên nâng cao năng lực quản trị công ty, tiếp cận thị trường mới, tăng cường năng lực bán sản phẩm, dịch vụ.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hiệp hội.

10. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hiệp hội theo quy định của pháp luật.

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hiệp hội theo Điều lệ, đúng quy định của pháp luật.

12. Hàng năm, Hiệp hội thực hiện chế độ báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hiệp hội đối với Sở Nội vụ, Sở Công Thương, các sở, ban, ngành có liên quan, đảm bảo thời gian và chất lượng và báo cáo công khai trong Hiệp hội.

13. Thực hiện quy định của pháp luật về công tác văn thư lưu trữ, bao gồm:

a) Lập hồ sơ danh sách hội viên, các đơn vị trực thuộc Hiệp hội, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hiệp hội, các tài liệu liên quan đến hoạt động của Hiệp hội, sổ ghi biên bản các cuộc họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và lưu giữ thường xuyên tại trụ sở của Hiệp hội;

b) Xác định thời hạn lưu giữ và hủy tài liệu hồ sơ đó nếu hết thời hạn, đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan quản lý Nhà nước giao.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: Các nữ chủ doanh nghiệp, nữ lãnh đạo doanh nghiệp/tổ chức (gọi chung là Nữ doanh nhân) là người Việt Nam, thuộc mọi thành phần kinh tế, có đủ điều kiện, hiện đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, tự nguyện tham gia và tán thành Điều lệ Hiệp hội, với điều kiện doanh nghiệp/tổ chức đã có thời gian hoạt động ít nhất từ 02 (hai) năm trở lên, có đơn đăng ký tham gia là hội viên chính thức của Hiệp hội.

b) Hội viên tập thể: Hội viên tập thể là doanh nghiệp/tổ chức kinh tế Việt Nam do nữ công dân Việt Nam lãnh đạo, hoạt động hợp pháp và có thời gian hoạt động ít nhất từ 02 (hai) năm trở lên, có trụ sở kinh doanh trên địa bàn thành phố Hà Nội, có liên quan và quan tâm đến hoạt động của Hiệp hội.

Mỗi doanh nghiệp/tổ chức được đề cử tối đa 01 (một) đại diện lãnh đạo tham gia Ban Chấp hành của Hiệp hội.

2) Hội viên liên kết: Các nữ chủ doanh nghiệp; nữ lãnh đạo, quản lý điều hành doanh nghiệp/tổ chức là người Việt Nam; có đăng ký kinh doanh, có đầy đủ năng lực pháp lý, năng lực hành vi dân sự; tán thành Điều lệ Hiệp hội, có nhu cầu tham gia các chương trình hoạt động của Hiệp hội, tự nguyện gia nhập Hiệp hội thì được xem xét làm hội viên liên kết của Hiệp hội.

3) Hội viên danh dự: Công dân nữ Việt Nam có uy tín cao trong xã hội, có nhiều công lao đóng góp cho hoạt động của Hiệp hội; tán thành Điều lệ Hiệp hội và tham gia hoạt động Hiệp hội, có thể được Ban Thường trực Hiệp hội công nhận là Hội viên danh dự của Hiệp hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hiệp hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hiệp hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội, được tham gia các hoạt động do Hiệp hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hiệp hội theo quy định của Hiệp hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hiệp hội.
4. Được tham dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử vào Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo theo quy định của Hiệp hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới gia nhập Hiệp hội và được Hiệp hội ghi nhận, tuyên dương khi có thành tích trong công tác phát triển hội viên.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hiệp hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hiệp hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền, nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hiệp hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và các chức danh lãnh đạo của Hiệp hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết, Quy định của Hiệp hội.
2. Tích cực tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hiệp hội; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hiệp hội phát triển vững mạnh, vì lợi ích của hội viên và Hiệp hội nói riêng và cộng đồng doanh nghiệp nói chung.
3. Bảo vệ uy tín của Hiệp hội, không được nhân danh Hiệp hội, sử dụng thương hiệu của Hiệp hội trong các quan hệ giao dịch để phục vụ cho lợi ích của cá nhân hoặc doanh nghiệp, trừ khi được lãnh đạo Hiệp hội phân công và cho phép bằng văn bản.

4. Tuyên truyền rộng rãi về Hiệp hội để thu hút hội viên mới và hoạt động góp phần phát triển tổ chức, hoạt động của Hiệp hội.

5. Thực hiện báo cáo kịp thời theo yêu cầu của Hiệp hội.

6. Trong trường hợp hội viên không thể tham gia hoạt động, sinh hoạt của Hiệp hội phải thông báo cho Văn phòng Hiệp hội 02 ngày trước buổi sinh hoạt (trừ trường hợp đột xuất có thể thông báo trước hoặc sau buổi sinh hoạt).

7. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hiệp hội.

8. Trả lại thẻ hội viên, giấy chứng nhận hội viên (nếu có) khi không còn là hội viên của Hiệp hội.

Điều 11. Thẻ thức vào, ra Hiệp hội; thẩm quyền kết nạp, khai trừ hội viên

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam muốn gia nhập Hiệp hội hoặc xét thấy không muốn tiếp tục là hội viên của Hiệp hội thì phải có đơn gửi Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

2. Ban Chấp hành Hiệp hội quy định cụ thể về thẩm quyền, trình tự kết nạp hội viên, xoá tên hội viên phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

3. Tư cách hội viên sẽ bị chấm dứt trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam;

b) Pháp nhân bị giải thể, bị phá sản;

c) Hội viên không thực hiện đúng Điều lệ Hiệp hội, gây tổn hại về uy tín hoặc tài chính của Hiệp hội.

Chương IV TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức

1. Đại hội (Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu).

2. Ban Chấp hành (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, các ủy viên Ban Chấp hành)

3. Ban Kiểm tra.

4. Ban cố vấn.

5. Văn phòng và các ban chuyên môn.

6. Các pháp nhân, tổ chức trực thuộc Hiệp hội.

Điều 13. Đại hội

1. Đại hội

a) Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hiệp hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

b) Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu được tổ chức khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

2. Đại hội có nhiệm vụ:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết hoạt động; báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành; báo cáo hoạt động của Ban Kiểm tra; báo cáo thu chi tài chính của Hiệp hội trong nhiệm kỳ qua và quyết định phương hướng, nhiệm vụ của Hiệp hội trong nhiệm kỳ mới;

b) Thảo luận và biểu quyết thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Hiệp hội (nếu có);

c) Quyết định chia tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên và giải thể Hiệp hội (nếu có);

d) Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua Nghị quyết của Đại hội;

e) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần thiết khác.

3. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hiệp hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hiệp hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hiệp hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hiệp hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường trực; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hiệp hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ phù hợp với quy định của Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường trực, Tổng Thư ký, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

- e) Quyết định gia nhập các tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật;
- f) Tôn vinh Chủ tịch danh dự.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Ban Chấp hành họp ít nhất 3 tháng 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của ủy viên Ban Thường trực hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đề nghị;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

Trong các cuộc họp Ban Chấp hành, nếu các ủy viên vắng mặt không tham dự thì được gửi ý kiến bằng văn bản hoặc email; hoặc cử đại diện tham dự nhưng người thay mặt dự họp không được quyền biểu quyết.

Điều 15. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; Ban Thường trực Hiệp hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường trực do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường trực cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường trực:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hiệp hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức các tổ chức, đơn vị thuộc Hiệp hội;

d) Quyết định tổ chức các Hội thảo, Hội nghị khoa học trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật;

đ) Quyết định kết nạp, chấm dứt tư cách hội viên;

e) Quyết định các vấn đề khen thưởng, kỷ luật;

f) Báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường trực:

a) Hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội;

b) Định kỳ 02 tháng họp 1 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hiệp hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực yêu cầu;

c) Các cuộc họp của Ban Thường trực là họp lệ khi có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực tham dự họp. Ban Thường trực có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường trực quyết định;

d) Các thành viên Ban Thường trực không tham dự họp có thể cho ý kiến bằng văn bản hoặc qua email. Các thành viên vắng mặt không ủy quyền cho người khác tham dự họp cũng như biểu quyết các vấn đề trong phạm vi cuộc họp đó.

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường trực được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường trực tham dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hiệp hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra do Đại hội bầu, số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Ban Kiểm tra có nhiệm kỳ cùng với nhiệm kỳ của Ban Chấp hành. Ban Kiểm tra gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên. Trưởng ban, Phó Trưởng ban do Ban Kiểm tra bầu trong số các ủy viên Ban Kiểm tra được Đại hội bầu.

2. Ban Kiểm tra có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Bầu Trưởng ban, Phó Trưởng ban;

b) Kiểm tra giám sát việc thi hành Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành. Kiểm tra Hội viên trong các hoạt động để biểu dương khen thưởng, đồng thời phát hiện khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật để kịp thời chấn chỉnh;

c) Kiểm tra giám sát thu chi tài chính của Hiệp hội hàng năm, có trách nhiệm báo cáo kết quả kiểm tra tại Đại hội;

d) Ban Kiểm tra được dự các kỳ họp của Ban Chấp hành Hiệp hội;

đ) Xem xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại của hội viên đối với tập thể, cá nhân của Hiệp hội, liên quan đến Hiệp hội, báo cáo Ban Chấp hành xem xét, quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hiệp hội.

Điều 17. Ban Cố vấn

1. Ban Cố vấn gồm những cá nhân có uy tín, xuất sắc, có nhiều đóng góp cho xã hội và có tầm ảnh hưởng lớn, được Ban Thường trực mời tham gia hỗ trợ, tư vấn cho Hiệp hội.

2. Thành viên Ban Cố vấn được mời tham gia các phiên họp Ban Thường trực, Ban Chấp hành, được quyền tham gia ý kiến, tư vấn như các thành viên Ban Chấp hành, Ban Thường trực, nhưng không được tham gia biểu quyết.

3. Ban Chấp hành quy định chế độ đãi ngộ với thành viên Ban Cố vấn.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hiệp hội là đại diện pháp nhân của Hiệp hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hiệp hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hiệp hội, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hiệp hội, trước Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội về mọi hoạt động của Hiệp hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hiệp hội theo quy định Điều lệ Hiệp hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Thường trực Ban Chấp hành;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành ký các văn bản của Hiệp hội;

đ) Khi Chủ tịch Hiệp hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hiệp hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hiệp hội.

3. Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hiệp hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hiệp hội do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hiệp hội chỉ đạo, điều hành công tác của Hiệp hội theo sự phân công của Chủ tịch Hiệp hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hiệp hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hiệp hội phân công hoặc ủy quyền.

Phó Chủ tịch Hiệp hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký chịu sự lãnh đạo và phân công của Chủ tịch Hiệp hội. Tổng thư ký là người giúp việc cho Chủ tịch và trực tiếp điều hành hoạt động của Văn phòng Hiệp hội, các cơ quan chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hiệp hội và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

2. Tổng thư ký có quyền phân công và giao một số quyền hạn, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền cho các nhân viên Văn phòng.

Điều 20. Văn phòng và các ban chuyên môn

Văn phòng và các ban chuyên môn Hiệp hội là bộ phận giúp việc cho Ban Chấp hành, Thường trực Ban Chấp hành, chịu sự chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt.

Điều 21. Các pháp nhân và tổ chức trực thuộc

1. Hiệp hội được thành lập các pháp nhân thuộc Hiệp hội hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và thực hiện tuân thủ quy định pháp luật. Hiệp hội thành lập pháp nhân thuộc Hiệp hội không đúng quy định của pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền yêu cầu Hiệp hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị Công an Thành phố thu hồi con dấu.

2. Các tổ chức cơ sở thuộc Hiệp hội gồm Chi hội và các nhóm hội viên theo lĩnh vực kinh doanh, ngành nghề, là tổ chức không có tư cách pháp nhân, không có con dấu và không có tài khoản riêng, hoạt động theo quy định, quy chế do Ban Chấp hành ban hành phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 22. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên Hiệp hội thực hiện theo quy định của Bộ Luật dân sự, quy định pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hiệp hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 23. Giải thể

1. Hiệp hội giải thể trong các trường hợp:

a) Tự giải thể khi hết thời hạn hoạt động, mục đích của Hiệp hội đã hoàn thành hay theo đề nghị và biểu quyết thông qua của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức;

b) Do cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể.

2. Trình tự và thủ tục khi Hiệp hội tự giải thể thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hiệp hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Hiệp hội không hoạt động liên tục 12 tháng;
- b) Khi có nghị quyết của Đại hội về việc Hiệp hội tự giải thể mà Ban Chấp hành Hiệp hội không chấp hành;
- c) Hoạt động của Hiệp hội vi phạm nghiêm trọng pháp luật hiện hành.

Chương VI TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 24. Tài chính, tài sản

1. Tài chính của Hiệp hội:

a) Nguồn thu của Hiệp hội:

- Lệ phí gia nhập Hiệp hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hiệp hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hiệp hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hiệp hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hiệp hội theo quy định của Ban Chấp hành Hiệp hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hiệp hội: Tài sản của Hiệp hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hiệp hội. Tài sản của Hiệp hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hiệp hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 25. Quản lý sử dụng tài sản, tài chính

1. Việc quản lý tài chính, sử dụng tài sản của Hiệp hội được thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính, sử dụng tài sản do Ban Chấp hành Hiệp hội quy định; tuân thủ các quy định của pháp luật về tài chính, kế toán, thống kê.

2. Các khoản thu, chi của Hiệp hội phải tiết kiệm, đúng mục đích, hiệu quả, được phản ánh trên hệ thống sổ sách kế toán theo quy định, thực hiện báo cáo công khai tại Hội nghị thường kỳ hàng năm của Ban Chấp hành cũng như trước Đại hội của Hiệp hội.

Điều 26. Xử lý tài chính, tài sản khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể

Khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hiệp hội phải tiến hành kiểm kê tài chính, tài sản của Hiệp hội chính xác, đầy đủ, kịp thời và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.

Các vấn đề về tài sản, quyền và lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ và các vấn đề tài chính khác của Hiệp hội liên quan đến chia, tách, hợp nhất, sáp nhập và giải thể Hiệp hội được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 27. Khen thưởng

Hội viên, doanh nghiệp, cá nhân hoặc tập thể có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hiệp hội, trong sản xuất kinh doanh và phát triển cộng đồng sẽ được Hiệp hội xem xét khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan Nhà nước, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể Trung ương, thành phố Hà Nội khen thưởng.

Điều 28. Kỷ luật

Pháp nhân, tổ chức cơ sở trực thuộc Hiệp hội, hội viên làm tổn hại đến uy tín, danh dự, làm trái với Điều lệ, Nghị quyết của Hiệp hội thì tùy theo mức độ sai phạm mà áp dụng các hình thức kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo đến khai trừ. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải chịu trách nhiệm bồi thường hoặc chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

Điều 29. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền tố cáo với cơ quan có thẩm quyền về các sai phạm của tổ chức và cá nhân trong Hiệp hội. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

2. Khi có khiếu nại, tố cáo trong nội bộ của Hiệp hội, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo do Ban Kiểm tra thực hiện đảm bảo theo quy định và báo cáo kết quả giải quyết đối với Ban Chấp hành. Quyền quyết định cao nhất, cuối cùng là Ban Chấp hành Hiệp hội.

Điều 30. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục khen thưởng, kỷ luật

Ban Chấp hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục khen thưởng và kỷ luật phù hợp với Điều lệ Hiệp hội và pháp luật hiện hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung điều lệ

Chỉ có Đại hội Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hiệp hội phải được trên ½ (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 32. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có 08 Chương, 32 Điều, đã được Đại hội đại biểu Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội nhiệm kỳ III (2018-2023) nhất trí thông qua ngày 03 tháng 11 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.

2. Căn cứ văn bản quy phạm pháp luật về hội và Điều lệ Hiệp hội, Ban Chấp hành Hiệp hội Nữ doanh nhân thành phố Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này. /.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

